

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 99/2025/DS-ST

Ngày: 05 - 5 - 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Đức

2. Ông Võ Văn Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 310/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 19xx, có mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 và quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Thanh T trình bày: Do mối quan hệ bạn bè với ông H, nên ông T có cho ông H vay tiền 06 lần không tính lãi, cụ thể như sau: Ngày 16/11/2023 cho mượn 30.000.000 đồng, hạn đến ngày 16/02/2024 trả tiền. Ngày 24/11/2023 cho mượn 20.000.000 đồng, hạn đến ngày 24/4/2024 trả tiền. Ngày 22/12/2023 cho mượn 20.000.000 đồng, hạn đến ngày 22/01/2024 trả tiền. Ngày 29/02/2024 cho mượn 50.000.000 đồng, hạn đến ngày 12/3/2024 trả tiền. Ngày 29/7/2024 cho mượn

72.000.000 đồng, hạn đến ngày 15/8/2024 trả tiền. Ngày 10/9/2024 cho mượn 14.500.000 đồng, hạn đến ngày 20/10/2024 trả tiền. Các lần cho mượn tiền có viết giấy mượn tiền. Tổng cộng số tiền mượn là 206.500.000 đồng, đến nay ông H chưa trả số tiền nào cho ông T. Ông T nhiều lần đến nhà ông H đòi tiền nhưng không gặp được ông H. Ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 206.500.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh H vắng mặt không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định. Việc thu thập tài liệu chứng cứ; thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh H được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

Quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa ông T yêu cầu ông H trả số tiền 206.500.000 đồng theo 06 giấy mượn tiền ngày 16/11/2023; ngày 24/11/2023; ngày 22/12/2023; ngày 29/02/2024; ngày 29/7/2024; ngày 10/9/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông H không đến Tòa án trình bày ý kiến, không gửi văn bản ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông H không phản đối yêu cầu của ông T, không đưa ra chứng cứ trả tiền. Chứng tỏ ông H thừa nhận số tiền nợ như ông T yêu cầu. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử kết luận ông H có nợ ông T số tiền 206.500.000 đồng theo 06 giấy mượn tiền nêu trên. Nên theo quy định Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, ông H có nghĩa vụ trả tiền cho ông T. Ông T không yêu cầu lãi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông T yêu cầu ông H thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp. Vì ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận. Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T.

Về án phí: Yêu cầu của ông T được chấp nhận toàn bộ, nên ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh T. Buộc ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả ông Lê Thanh T số tiền 206.500.000 (Hai trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn) đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Thanh T cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Minh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.325.000 đồng. Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền 5.162.000 đồng theo biên lai thu số 0013748 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD;
- Chi cục THADS huyện GCD;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng